

Số: 2578/QĐ-HĐTD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh sách thí sinh tham dự vòng 2
kỳ tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

Căn cứ Quyết định số 4425/QĐ-SYT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhân dân Gia Định;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ kế hoạch số 1985/KH-BVNDGD ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2264/QĐ-BVNDGD ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc bệnh viện về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định năm 2026;

Xét đề nghị của Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng tuyển dụng viên chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Phụ lục. Danh sách thí sinh tham dự Vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức tại Bệnh viện Nhân dân Gia Định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký, ban hành. Các thành viên Hội đồng tuyển dụng viên chức và Trưởng bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Giám đốc bệnh viện (để b/c)
- Như Điều 2;
- Đăng công TTĐT BV;
- Lưu: VT, TCCB;
(TD/2b).

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

Mai Đức Huy
Phó Giám đốc Bệnh viện

BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2578 QĐ-HĐTD ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định)

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
VỊ TRÍ BÁC SĨ (HẠNG III)										
02	1	Phú Đăng Khoa	31	03	1995	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Lồng ngực - mạch máu
03	2	Trần Lê Bảo Châu	29	07	1992	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa II, thạc sĩ	Ngoại lồng ngực	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Lồng ngực - mạch máu
05	3	Nguyễn Công Thành	15	06	1994	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu
07	4	Nguyễn Văn Cao	01	01	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại tổng hợp (cơ sở 2)
08	5	Thái Khánh Phát	07	05	1997	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ nội trú	Ngoại tổng quát	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại tổng hợp (cơ sở 2)
09	6	Trần Nhật Duy	07	02	2000	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa
10	7	Cao Chí Tâm	17	11	1995	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Ngoại tổng quát	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa
11	8	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	24	06	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa
12	9	Nguyễn Công Thành	11	02	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Gan mật tụy
13	10	Đỗ Hồng Quân	11	01	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Ngoại Gan mật tụy

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
16	11	Võ Phan Minh Hiếu	30	08	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chấn thương chỉnh hình	Bác sĩ hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình
17	12	Lê Ngọc Minh Trí	09	03	1990	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Ngoại khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Tổng hợp
19	13	Lê Trần Thùy Trang	12	12	1997	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Tổng hợp
20	14	Huỳnh Nên Thơ	14	06	1995	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Da Liễu	Bác sĩ hạng III	Khoa Tổng hợp
22	15	Nguyễn Bá Ngọc Thảo	07	10	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Tổng hợp
23	16	Tạ Văn Lâm	10	07	1990	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Da Liễu	Bác sĩ hạng III	Khoa Tổng hợp
25	17	Nguyễn Quang Vũ	24	04	1998	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Gây mê hồi sức	Bác sĩ hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
26	18	Lê Đình Nguyên Anh	23	09	2000	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
28	19	Võ Phạm Tường Vy	01	09	1994	Bác sĩ điều trị	Đại học	Y đa khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Phẫu thuật tim
29	20	Nguyễn Võ Quốc Anh	09	09	2000	Bác sĩ điều trị	Đại học	Y Khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
30	21	Lê Ngọc Đức	10	12	1991	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Phục hồi chức năng	Bác sĩ hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
31	22	Nguyễn Thị Kim Chi	04	05	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
32	23	Nguyễn Thị Thu Linh	19	10	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
33	24	Lê Phan Hoàng Kha	30	09	2001	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
34	25	Phạm Đức Tài	08	04	1996	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
35	26	Nguyễn Thế Anh	28	05	1987	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
36	27	Hoàng Hồng Phúc	03	11	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
41	28	Phạm Thị Nguyên	08	02	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
42	29	Trần Ngọc Thiện	03	04	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
43	30	Phan Cát Tường	28	01	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
44	31	Trương Phương Thúy	19	12	1995	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
45	32	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	06	08	1996	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
46	33	Nguyễn Hồng Bảo	03	11	1996	Bác sĩ điều trị	Đại học	Chuyên khoa I	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
47	34	Tổng Thị Huyền	29	10	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
48	35	Nguyễn Thị Phương Nhung	26	11	1997	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
49	36	Phạm Thái Nguyên	20	12	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
50	37	Đặng Nguyễn Ngọc Việt	11	01	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
51	38	Nguyễn Tấn Lộc	01	04	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
52	39	Huỳnh Thị Thương Thương	01	08	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
53	40	Nguyễn Vũ Đức Tín	30	11	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
54	41	Kiều Quang Vinh	17	10	1992	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
57	42	Nguyễn Thị Hạ Vi	14	10	1991	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Giải phẫu bệnh	Bác sĩ hạng III	Khoa Giải phẫu bệnh
58	43	Nguyễn Minh Khoa	28	09	1993	Bác sĩ điều trị	Đại học	Y Khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn
59	44	Trần Triệu Phong	17	10	1994	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn
60	45	Trần Công Bình	10	09	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bác sĩ hạng III	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn
61	46	Nguyễn Trung Kiên	16	06	1987	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn
63	47	Trần Thị Cẩm Tú	11	06	1988	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Lão Khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tim mạch
64	48	Nguyễn Hồ Hữu Phú	26	12	1997	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tim mạch
65	49	Nguyễn Như Nhật Vy	02	03	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tim mạch
66	50	Nguyễn Minh Dũng	20	11	1997	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tim mạch
67	51	Lê Thị Hạnh	05	03	1997	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tim mạch
68	52	Phạm Tuyên	23	09	1994	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tim mạch
69	53	Nguyễn Thị Ngọc Yến	01	06	1996	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tim mạch
71	54	Lê Quang Trường	04	02	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch
72	55	Đỗ Nhật Huy	11	04	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
73	56	Nguyễn Thị Thiên Thảo	30	09	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiêu hóa
74	57	Phạm Công Hậu	17	02	1993	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiêu hóa
75	58	Nguyễn Thị Thùy Na	24	02	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiêu hóa
76	59	Trần Huy Minh Hằng	22	05	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tiêu hóa
77	60	Nguyễn Thị Bình	04	10	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiêu hóa
78	61	Phạm Thị Minh Thuận	13	11	1996	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội tiêu hóa
79	62	Trương Hoàng Bảo Kim	27	01	1992	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiết - Thận
81	63	Nguyễn Thị Diệu Huyền	13	09	1993	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiết - Thận
82	64	Nguyễn Trần Mỹ Thanh	11	12	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiết - Thận
83	65	Phạm Hữu Bình	06	02	1996	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Tiết - Thận
85	66	Nguyễn Thành Luân	02	07	1997	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội hô hấp
86	67	Phạm Việt Thắng	26	09	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ y đa khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội hô hấp
87	68	Trần Minh Huy	01	12	1995	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội hô hấp
89	69	Nguyễn Y Như Ngọc	02	01	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Cơ xương khớp
90	70	Trần Vũ Thái Huy	09	05	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Cơ xương khớp

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
91	71	Nguyễn Cẩm Tú	10	06	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Lão Khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội Cơ xương khớp
92	72	Nguyễn Ngọc Thạch	18	04	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức tích cực-chống độc
93	73	Trần Điền Tú	09	01	1992	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu - chống	Bác sĩ hạng III	Khoa Hồi sức tích cực-chống độc
94	74	Trần Nguyễn Uyên Nhi	23	09	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Lão
95	75	Nguyễn Thị Thái	03	03	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Lão
96	76	Lê Thị Nguyên Thu	07	04	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Lão
97	77	Nguyễn Đắc Thanh Long	10	11	2000	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Lão
98	78	Nguyễn Thị Thúy Duy	06	07	1998	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Tim mạch can thiệp
99	79	Nguyễn Quang Minh	25	12	1995	Bác sĩ điều trị	Thạc sĩ	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Tim mạch can thiệp
100	80	Nguyễn Thị Hồng Phúc	25	09	1996	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nhi khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Bệnh lý sơ sinh
101	81	Phạm Thị Nga	11	12	1994	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nhi khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Bệnh lý sơ sinh
104	82	Lê Trần Minh Hưng	16	09	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Y Khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
106	83	Nguyễn Trần Trung Nam	14	07	2000	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
107	84	Nguyễn Hải Liên	15	09	1986	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
108	85	Đinh Công Hào	09	03	1999	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
109	86	Lưu Cẩm Tú	01	11	1995	Bác sĩ điều trị	Bác sĩ Y khoa	Y Khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
110	87	Đặng Hoàng Sơn	28	05	1996	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
111	88	Trịnh Châu Anh	15	09	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
112	89	Nguyễn Hồng Phúc	19	02	1996	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
113	90	Nguyễn Tấn An	08	07	1997	Bác sĩ điều trị	Đại học	Y đa khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
114	91	Nguyễn Hoàng Tấn Lộc	25	01	1996	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
115	92	Đoàn Lê Thảo	22	05	1997	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
116	93	Lê Thị Thảo Trang	18	04	1994	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Cấp cứu
117	94	Trần Lê Thảo Tiên	31	07	1997	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nhãn khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Mắt
118	95	Lê Phương Thảo	05	12	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Bác sĩ hạng III	Khoa Răng Hàm Mặt
119	96	Huỳnh Ngọc Tân	24	07	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
120	97	Nguyễn Hương Giang	26	05	1998	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
121	98	Trần Đức Đạt	27	02	1996	Bác sĩ điều trị	Đại học	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
122	99	Vũ Thị Thùy Dương	29	06	1996	Bác sĩ điều trị	Chuyên khoa I	Nội khoa	Bác sĩ hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
VỊ TRÍ ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III										

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
01	100	Đỗ Quốc Đạt	10	05	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch
02	101	Nguyễn Kiều Trúc Vy	12	11	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch
03	102	Phạm Đình Thụy	17	05	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tim mạch
04	103	Trương Lâm Nhi	24	06	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiêu hóa
05	104	Lê Thị Thanh Hạ	17	10	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiêu hóa
06	105	Ngô Thị Cẩm Hà	08	05	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiêu hóa
07	106	Trương Thị Mai Trang	21	05	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội thần kinh
08	107	Hồ Ngọc Hân	03	02	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội thần kinh
09	108	Phạm Hoàng Diệp Thúy	03	10	1977	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiết - Thận
10	109	Nguyễn Lý Tường Vi	15	01	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội tiết - Thận
11	110	Trần Bình Trọng	22	10	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp
12	111	Huỳnh Mai Quang Huy	04	10	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp
13	112	Dương Kim Thanh	30	06	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp
14	113	Nguyễn Thị Nga	03	09	1988	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội Hô hấp
15	114	Phan Thị Huyền Trân	22	12	1999	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Hồi sức tích cực-chống độc

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
16	115	Lê Gia Bảo	21	08	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Lão
17	116	Mạch Ngọc Trâm	22	05	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Lão
18	117	Vũ Thảo Nguyên	22	06	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Lão
19	118	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	03	09	1999	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu
20	119	Lâm Tâm Như	13	11	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu
21	120	Huỳnh Thị Ngọc Thúy	27	05	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu
22	121	Nguyễn Thị Thủy Tiên	30	09	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu
23	122	Lê Thị Anh Thu	17	09	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại thần kinh
24	123	Nguyễn Tiến Như	18	09	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa
25	124	Phan Thị Tuyết Nhi	01	01	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa
26	125	Lê Thị Kim Anh	01	11	1995	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Tiêu hóa
27	126	Đào Ngọc Bảo Quỳnh	07	01	1996	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy
28	127	Hà Kim Ngân	15	02	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình
29	128	Nguyễn Thanh Tâm	20	10	1995	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình
30	129	Lê Hữu Danh	01	10	1999	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
31	130	Nguyễn Văn Thuận	28	01	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình
32	131	Nguyễn Đình Trung Kiên	11	10	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Chấn thương chỉnh hình
34	132	Nguyễn Thái Bảo Di	27	01	1996	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Tổng hợp
35	133	Nguyễn Thị Hồng Loan	10	08	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ung bướu
36	134	Lê Huỳnh Nhật Duy	30	04	1992	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ung bướu
37	135	Lê Thị Thu Thảo	03	08	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Ung bướu
38	136	Nguyễn Thị Kim Ngân	28	08	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
39	137	Võ Nguyễn Phúc An	26	12	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
40	138	Võ Thị Thanh Tú	12	06	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
41	139	Nguyễn Xuân Thanh	28	02	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng Gây mê	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
42	140	Đặng Thị Thùy Vân	24	05	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
43	141	Đặng Thị Thúy Hằng	02	10	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
44	142	Nguyễn Thị Loan	24	10	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
45	143	Phạm Thị Quỳnh	16	03	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
46	144	Phan Thị Ngọc Diễm	11	06	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
47	145	Trang Quang Thắng	03	01	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
48	146	Lê Đăng Thùy Nhung	02	11	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
49	147	Nguyễn Khánh Hòa	23	03	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
50	148	Nguyễn Thị Hồng Phúc	02	06	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
51	149	Võ Hữu Nam	12	11	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng Gây mê	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
52	150	Trương Thị Thảo Vy	10	06	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
53	151	Lâm Sơn Mai Vi	24	10	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Gây mê hồi sức
54	152	Hoàng Lê Linh Trang	17	02	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim
55	153	Đặng Thị Tuyết Nhi	15	09	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim
56	154	Vũ Thị Thanh Mai	01	01	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim
57	155	Nguyễn Thị Hằng	04	08	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim
58	156	Phạm Nguyễn Kim Quyên	13	11	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Phẫu thuật tim
60	157	Trương Ngọc Thanh Xuân	22	01	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu
61	158	Phạm Thúy Hằng	20	11	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu
62	159	Lê Vy	30	10	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
63	160	Lý Thanh Trúc	24	12	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu
64	161	Trần Thị Thanh Ngân	05	05	1997	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu
65	162	Nguyễn Thị Kim Ngân	22	10	1992	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Cấp cứu
66	163	Hoàng Mỹ Huyền	05	11	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh
67	164	Hoàng Giang Hậu	24	06	1987	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Khám bệnh
68	165	Nguyễn Thị Thúy Hằng	08	03	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Tai Mũi Họng
69	166	Lê Thị Kim Loan	15	01	1979	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
70	167	Nguyễn Đức Minh	05	09	1988	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
71	168	Phạm Thị Quyên	02	09	1993	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
72	169	Nguyễn Thị Hoài	05	03	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
73	170	Nguyễn Thị Thanh Loan	26	10	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
74	171	Trương Thị Thanh Tâm	12	10	1995	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
75	172	Lương Thị Khánh Chi	10	01	1999	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
VỊ TRÍ KỸ THUẬT Y HẠNG IV										
01	173	Lê Thị My	06	03	1993	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
02	174	Huỳnh Kim Hoàng	18	09	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học
04	175	Văn Thị Ngọc Bích	20	02	1997	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Cao đẳng	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học
05	176	Nguyễn Văn Nghĩa	20	12	1987	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chuyên khoa I	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Sinh hóa huyết học
06	177	Trần Thị Thùy Dương	02	08	1999	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Cao đẳng	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
07	178	Nguyễn Như Ái	13	08	1998	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
KỸ THUẬT VIÊN HẠNG IV										
02	179	Nguyễn Hoàng Hải	10	03	1995	Kỹ thuật thiết bị Y tế	Cao đẳng	Công nghệ chế tạo máy	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế
03	180	Lê Thị Phương Tây	23	12	1986	Dinh dưỡng thực phẩm chế biến	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Khoa Dinh Dưỡng
04	181	Trần Ngọc Nghi	24	11	2001	Dinh dưỡng thực phẩm chế biến	Đại học	Khoa học dinh dưỡng	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Khoa Dinh Dưỡng
05	182	Lê Thanh Khoa	04	12	1982	Dinh dưỡng thực phẩm chế biến	Cao đẳng	Công nghệ thực phẩm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Khoa Dinh Dưỡng
VỊ TRÍ KỸ THUẬT Y HẠNG III										
01	183	Nguyễn Thị Nhung	06	09	1996	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
02	184	Nguyễn Hoàng Viễn	06	06	1998	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
03	185	Võ Quỳnh Như	19	05	2003	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Vật lý trị liệu	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
04	186	Trần Thị Thu Kiều	10	10	1994	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
05	187	Nguyễn Thu Hường	21	06	2003	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
06	188	Trần Hữu Lộc	06	11	1999	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
07	189	Trần Thị Minh	26	12	1975	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Vật lý trị liệu	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
08	190	Trịnh Huyền Linh	28	04	1997	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
10	191	Hồ Thị Minh Thư	20	11	2002	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
11	192	Nguyễn An Gia Khánh	17	07	2001	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
12	193	Lê Ngọc Huân	19	06	1996	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Đại học	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
13	194	Nguyễn Thiên Phúc	24	07	2000	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Giải phẫu bệnh
14	195	Phan Võ Hoàng Nhi	10	10	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Giải phẫu bệnh
16	196	Phan Duy Tân	15	01	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Giải phẫu bệnh
17	197	Trần Thị Thu Hương	24	08	1995	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Xét nghiệm Y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
18	198	Trịnh Thị Hồng Vân	07	02	2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
19	199	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	14	02	1995	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
20	200	Trần Thị Kiều Phúc	05	08	1997	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
21	201	Trần Huỳnh Triều Tiên	23	08	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
22	202	Phan Thị Cẩm Thụy	29	12	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
23	203	Võ Thị Hồng Ngọc	20	08	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
24	204	Lê Ngô Quỳnh Như	18	07	2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
25	205	Bùi Vũ Thúy Hằng	03	05	1983	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Chuyên khoa I	Xét nghiệm Y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
26	206	Nguyễn Lê Tấn Phát	04	01	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
27	207	Ngô Nguyễn Khánh Châu	10	09	2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
31	208	Nguyễn Huỳnh Tố Nga	05	07	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
33	209	Phạm Thái Hà	17	02	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
36	210	Nguyễn Phương Huỳnh	07	06	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
39	211	Hồ Nguyễn Yến Thuận	13	07	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
40	212	Nguyễn Thanh Trí	08	06	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
41	213	Dương Thị Mỹ Dung	30	10	2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
42	214	Lê Thị Kim Tuyền	08	07	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
43	215	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	03	10	2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
44	216	Vũ Tiên Phước	05	07	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
45	217	Nguyễn Thúy Quỳnh	08	06	2000	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
46	218	Nguyễn Thị Minh Anh	08	06	2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
47	219	Lê Nguyễn Ngọc Mai	03	09	2003	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
48	220	Nguyễn Thị Kim Ngân	13	09	2000	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thạc sĩ	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
49	221	Nguyễn Tiến Đạt	20	01	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
50	222	Võ Thị Thúy	20	11	1992	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
51	223	Lữ Thị Khánh Duy	13	02	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
52	224	Nguyễn Võ Nam	02	07	1997	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
53	225	Phạm Thị Diễm My	03	06	2000	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
55	226	Phan Thị Thùy Linh	10	02	2000	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
56	227	Đào Ngọc Hiếu Ngân	30	09	2000	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
57	228	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24	02	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
58	229	Nguyễn Ái Thoại	20	08	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
59	230	Cù Thị Hà My	14	11	2002	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
60	231	Nguyễn Huỳnh Như	27	09	1998	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
61	232	Trương Thị Thanh Thảo	21	09	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
62	233	Phạm Nguyễn Nam Phổ	04	06	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
63	234	Nguyễn Hồng Thanh Quyên	05	04	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
64	235	Nguyễn Ngọc Ánh Linh	31	03	2001	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Sinh hóa huyết học
65	236	Huỳnh Thanh Ngân	01	12	2000	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm	Kỹ thuật y hạng III	khoa Vi sinh
VỊ TRÍ ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV										
01	237	Phan Thị Minh Nguyệt	17	11	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội tim mạch
02	238	Nguyễn Hữu Đức Phú	11	08	2003	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Hồi sức tim mạch
03	239	Nguyễn Thị Hải Yến	28	12	2001	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội tiết - Thận
04	240	Võ Thị Hồng	20	06	2000	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội Hô hấp
06	241	Trịnh Lâm Vy	20	07	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội cơ xương khớp
07	242	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	06	08	1997	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội cơ xương khớp
08	243	Hoàng Bảo Nhật Vi	13	11	2003	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Lão
09	244	Dương Thị Huyền	18	08	1999	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Thận tiết niệu
10	245	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	11	11	2003	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Thận tiết niệu

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
11	246	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	28	02	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Thận tiết niệu
12	247	Nguyễn Thị Tuyết Hương	13	11	1998	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Thận tiết niệu
13	248	Vũ Ngọc Bích Vân	06	03	1985	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy
14	249	Trần Vũ Thanh Triều	29	08	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy
15	250	Lê Nguyễn Minh Thu	25	04	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Ngoại Gan Mật Tụy
16	251	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	17	04	1999	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Chấn thương chỉnh hình
17	252	Huỳnh Trần Mai Loan	01	11	1996	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức
18	253	Trần Thị Phúc Ngân	21	03	1985	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức
19	254	Lê Tuyết Mơ	07	07	1998	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Gây mê hồi sức
22	255	Bùi Thị Ngọc Trang	03	05	2002	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Phẫu thuật Tim
23	256	Phan Thanh Hằng	01	09	1992	Điều dưỡng chăm sóc	Đại học	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nhi
24	257	Đặng Thụy Anh Thu	28	09	2003	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu
25	258	Đào Thị Hồng	15	08	1985	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Cấp cứu
26	259	Nguyễn Thị Thùy Như	21	10	1980	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
27	260	Trần Thị Trường Hận	02	03	1992	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
28	261	Lê Thị Hương	16	05	1987	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
29	262	Lê Thị Kim Xuyên	15	07	1988	Điều dưỡng chăm sóc	Cao đẳng	Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng
VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN										
01	263	Phạm Thị Hoàng Ngân	16	05	1999	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
02	264	Phan Hà Anh Thư	15	10	2003	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
03	265	Phạm Khánh Duy	18	09	1999	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
05	266	Nguyễn Võ Thanh Huyền	16	03	1996	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
12	267	Nguyễn Ngọc Diễm	23	08	2003	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
14	268	Nghiêm Hoàng Sơn	13	02	1999	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
15	269	Lê Hiền Thương	09	10	2001	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
16	270	Trần Thanh Giang	25	09	2002	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý công	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
18	271	Trần Thùy Linh	02	07	1997	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Xây dựng Đảng và ch	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
19	272	Cao Thị Lê Na	18	08	1995	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
20	273	Hồ Bảo Quân	10	07	1989	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
21	274	Nguyễn Thị Diễm Hằng	09	10	1999	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
22	275	Nguyễn Thị Kim Phượng	14	06	2001	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
24	276	Nguyễn Thị Thu Thủy	12	05	2003	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý công	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
25	277	Nguyễn Ý Ngọc	26	10	2002	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật; Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
27	278	Vũ Bá Khánh Duy	09	05	1995	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Bảo hiểm	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
28	279	Nguyễn Thị Cẩm Trinh	16	10	1999	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
30	280	Trần Chi Linh	02	05	1998	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
31	281	Cao Hòa Tiên	03	09	1997	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
32	282	Trần Thị An	01	02	1993	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Tổ chức cán bộ
35	283	Lê Ngân Hằng	11	08	2002	Hành chính văn phòng	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị
37	284	Bùi Thị Thu Xuân	26	02	1995	Hành chính văn phòng	Đại học	Luật học	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị
41	285	Lê Hồng Minh Thư	10	03	2001	Hành chính văn phòng	Đại học	Cử nhân tài chính ngân hàng	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị
45	286	Nguyễn Thị Trúc Linh	07	11	1987	Hành chính văn phòng	Đại học	Cử nhân hành chính	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị
46	287	Đỗ Nguyễn Thị Lan Anh	11	06	2000	Hành chính văn phòng	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị
49	288	Trần Thị Hường	02	06	1991	Hành chính văn phòng	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị
50	289	Trương Nghiêm Ngọc Vi	04	04	1983	Hành chính văn phòng	Đại học	Luật	Chuyên viên	Phòng Hành chính quản trị

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
51	290	Võ Thị Bích Mai	14	05	1994	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Luật kinh tế	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
54	291	Hồ Trung Tín	13	12	1999	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
56	292	Trương Thái Nhựt Trường	07	10	2001	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
57	293	Phạm Văn Ký	05	02	1981	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Báo chí và truyền thông	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
58	294	Nguyễn Thoại Yến Vy	17	12	2004	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
59	295	Ma Đặng Yến Nhi	21	10	1997	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Quốc tế học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
61	296	Lê Huỳnh Phát Đạt	09	01	1998	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
63	297	Huỳnh Thương Tính	07	07	1990	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
65	298	Diệp Thị Thanh Hiếu	20	02	1999	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
66	299	Hoàng Xuân Phúc	14	10	1998	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Quản lý nhà nước	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
68	300	Nguyễn Thị Khánh Ngân	16	02	2003	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Công tác xã hội	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
70	301	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	25	08	1998	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
71	302	Huỳnh Phạm Phương Trinh	05	09	2001	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
72	303	Huỳnh Anh Khoa	18	04	1999	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
75	304	Nguyễn Kiều Phương	26	12	2002	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Xã hội học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
76	305	Hồng Oanh Phụng	29	03	1999	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
77	306	Nguyễn Minh Toàn	04	02	1986	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Báo chí	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
78	307	Nguyễn Hoàng My	27	10	1999	Lĩnh vực truyền thông, CTXH	Đại học	Đông Nam Á học	Chuyên viên	Phòng Công tác xã hội
VỊ TRÍ CÁN SỰ										
1	308	Đỗ Thị Phương Dung	26	04	1994	Hành chính văn phòng	Cao đẳng	Quản trị văn phòng	Cán sự	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
VỊ TRÍ KỸ SƯ HẠNG III										
01	309	Thiều Tấn Đạt	29	10	1997	Kỹ thuật thiết bị Y tế	Đại học	Kỹ thuật điện- điện tử	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị Y tế
02	310	Nguyễn Văn Tiến Dũng	20	09	2002	Kỹ thuật thiết bị Y tế	Đại học	Vật lý kỹ thuật	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị Y tế
03	311	Nguyễn Thành Nghĩa	08	02	2001	Kỹ thuật thiết bị Y tế	Đại học	Bảo dưỡng công nghệ	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị Y tế
VỊ TRÍ KỸ SƯ HẠNG III										
04	312	Hàng Phước Thọ	24	08	1983	Công nghệ thông tin	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
05	313	Nguyễn Văn Quốc Bảo	03	07	2001	Công nghệ thông tin	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
07	314	Nguyễn Công Đạt	11	06	2001	Công nghệ thông tin	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
09	315	Nguyễn Đình Thiên Hào	11	03	1999	Công nghệ thông tin	Đại học	Kỹ thuật điện tử viễn	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
11	316	Huỳnh Quang Bảo	05	09	2000	Công nghệ thông tin	Đại học	Khoa học Công nghệ	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
12	317	Nguyễn Trần Minh Trí	23	05	1994	Công nghệ thông tin	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
14	318	Mai Nguyễn Quốc Dũng	11	11	2003	Công nghệ thông tin	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
15	319	Phạm Xuân Vinh	17	01	2001	Công nghệ thông tin	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
16	320	Trần Văn Phúc	08	06	2000	Công nghệ thông tin	Đại học	Công nghệ thông tin	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Công nghệ thông tin
DINH DƯỠNG HẠNG III										
05	321	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	25	10	2003	Dinh dưỡng	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng
08	322	Mai Lê Thanh Ngọc	13	12	2003	Dinh dưỡng	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng
09	323	Nguyễn Lê Hồng Anh	03	12	2003	Dinh dưỡng	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng
10	324	Bùi Ngọc Phương Nghi	30	11	2003	Dinh dưỡng	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng
11	325	Đinh Thị Thu Sương	10	02	2000	Dinh dưỡng	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng
12	326	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	14	03	2001	Dinh dưỡng	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng
13	327	Nguyễn Thị Hiếu Nguyên	12	07	2001	Dinh dưỡng	Đại học	Dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	Khoa Dinh dưỡng
VỊ TRÍ KẾ TOÁN VIÊN (HẠNG III)										
01	328	Trần Đình Dương	29	10	1986	Tài chính, đấu thầu	Đại học	Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế
04	329	Từ Anh Tuấn	06	09	1988	Tài chính, đấu thầu	Đại học	Tài chính - ngân hàng	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
05	330	Nguyễn Thị Ánh Vân	03	06	1990	Tài chính, đấu thầu	Đại học	Kế toán	Kế toán viên (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế
VỊ TRÍ DƯỢC SĨ HẠNG III										
01	331	Trương Thị Thu Dịu	19	08	2002	Dược lâm sàng	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
02	332	Nguyễn Quang Liêm	02	04	1993	Dược lâm sàng	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
04	333	Nguyễn Tăng Danh	17	02	2000	Dược lâm sàng	Đại học	Dược lâm sàng	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
06	334	Mai Nguyễn Quốc Cường	04	08	1987	Dược lâm sàng	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
08	335	Tô Phụng Linh	25	07	1993	Dược lâm sàng	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
10	336	Lê Hồng Tịnh An	06	01	2000	Dược lâm sàng	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
13	337	Phan Nguyễn Phương Thanh	03	04	2003	Dược lâm sàng	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
16	338	Nguyễn Thuận Nguyên	10	09	2002	Dược lâm sàng	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
17	339	Nguyễn Thị Như Trang	23	10	1995	Dược lâm sàng	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
18	340	Bùi Quang Hiền	29	03	1994	Dược lâm sàng	Thạc sĩ	Dược lý và dược lâm	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
19	341	Trần Đoàn Minh Thy	29	10	1999	Dược lâm sàng	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
20	342	Phan Triều Tiên	26	11	1994	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược sĩ	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
21	343	Hà Phước Lộc	10	03	1981	Nghiệp vụ dược	Đại học	Quản lý cung ứng thuốc	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
22	344	Lê Nguyễn Ngọc Trân	01	09	2001	Nghịệp vụ dược	Đại học	Quản lý cung ứng thu	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
23	345	Nguyễn Hoàng Phương Anh	17	04	1999	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
24	346	Đỗ Yến Nga	09	06	2002	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
25	347	Nguyễn Lê Thanh Trúc	25	05	1984	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
26	348	Tổng Khánh Dân	15	07	2000	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
27	349	Nguyễn Anh Thư	11	08	1999	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
28	350	Nguyễn Thị Ngọc Thẩm	12	02	2000	Nghịệp vụ dược	Đại học	Quản lý cung ứng thu	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
29	351	Lại Thành Minh	24	04	1993	Nghịệp vụ dược	Đại học	Quản lý cung ứng thu	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
32	352	Nguyễn Quang Trí	16	05	2002	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
33	353	Đỗ Đức Đạt Ngọc	08	11	1994	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
34	354	Bùi Nguyễn Bích Ngọc	30	11	2003	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
35	355	Nguyễn Trung Hậu	29	05	1998	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
37	356	Dương Thị Mỹ Uyên	21	01	1998	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
38	357	Dương Thị Đan Thanh	24	07	1987	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
39	358	Trần Thị Tuyết Loan	11	09	1979	Nghịệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược

SBD	STT	Họ và tên	Ngày	Tháng	Năm	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ	Chuyên ngành	Chức danh nghề nghiệp	Đơn vị dự tuyển
43	359	Hồ Trọng Nhân	10	02	1994	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
44	360	Nguyễn Như Ngọc Nhân	18	03	1994	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
45	361	Trần Thị Thúy Vy	25	05	1999	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
47	362	Lưu Thụy Lệ Mai	10	03	2000	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
48	363	Thạch Thị Diễm Phương	28	09	2001	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược sĩ (hạng III)	Khoa Dược
49	364	Nguyễn Võ Thanh Thanh	10	01	1996	Vật tư thiết bị y tế	Đại học	Quản lý cung ứng thu	Dược sĩ (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế
50	365	Vũ Nguyễn Thảo Vi	22	05	1999	Vật tư thiết bị y tế	Đại học	Quản lý cung ứng thu	Dược sĩ (hạng III)	Phòng Vật tư, thiết bị y tế
VỊ TRÍ DƯỢC HẠNG IV										
02	366	Lê Đình Quế Trân	25	11	2001	Nghiệp vụ dược	Cao đẳng	Dược học	Dược hạng IV	Khoa Dược
03	367	Hoàng Thị Thùy Trinh	17	11	1993	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược hạng IV	Khoa Dược
04	368	Trần Lê Thanh Vân	18	06	1999	Nghiệp vụ dược	Đại học	Dược học	Dược hạng IV	Khoa Dược
07	369	Nguyễn Võ Thư Thư	15	03	2000	Nghiệp vụ dược	Cao đẳng	Dược	Dược hạng IV	Khoa Dược

BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH